

Số: /BC-UBTVQH15

Dự thảo

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở

Kính gửi: Các vị đại biểu Quốc hội,

Tại kỳ họp thứ 3 (tháng 5/2022), Quốc hội đã thảo luận, cho ý kiến về dự án Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (sau đây gọi là dự thảo Luật). Đã có **173** lượt ý kiến đại biểu Quốc hội phát biểu tại Tổ và Hội trường và **04** đại biểu Quốc hội tham gia ý kiến bằng văn bản¹. Về cơ bản, các vị đại biểu Quốc hội đều tán thành với sự cần thiết ban hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và những nội dung cơ bản của dự thảo Luật; bên cạnh đó, các vị đại biểu Quốc hội đã cho ý kiến và thể hiện quan điểm về từng nội dung cụ thể để hoàn thiện dự thảo Luật.

Ngay sau kỳ họp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã phối hợp với Chính phủ chỉ đạo các cơ quan hữu quan tổ chức các hoạt động nghiên cứu, khảo sát, lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp cũng như các chuyên gia, nhà khoa học để giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật². Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng đã tổ chức phiên họp chuyên đề tháng 8/2022 cho ý kiến về dự án Luật này. Dự thảo Luật sau khi được tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện theo ý kiến đại biểu Quốc hội có **06** chương và **91** điều; giảm **01** chương, tăng **18** điều so với dự thảo Luật trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 3; đã bám sát các quan điểm xây dựng luật, thể chế hóa kịp thời chủ trương, chính sách của Đảng về phát huy dân chủ ở cơ sở và phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo Quốc hội việc giải trình, tiếp thu và chỉnh lý dự thảo Luật như sau:

¹ Tổng Thư ký Quốc hội đã có Báo cáo số 1251/BC-TTKQH ngày 04/7/2022 tổng hợp ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội thảo luận ở Tổ và Hội trường về dự án Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

² Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo các Đoàn đại biểu Quốc hội trong quá trình tổ chức các hoạt động của Đoàn có thể kết hợp khảo sát, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri tại địa phương (Thường trực Ủy ban Pháp luật cũng cử đại diện tham dự Cuộc khảo sát, lấy ý kiến của Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội về việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở tại xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai và phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội); chỉ đạo Thường trực Ủy ban Pháp luật và Bộ Nội vụ phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức Hội nghị lấy ý kiến về nội dung quy định liên quan đến việc thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động; tổ chức các cuộc làm việc với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để lấy ý kiến phục vụ việc tiếp thu, chỉnh lý các quy định nhằm thể hiện vai trò nòng cốt của Mặt trận trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở...

I. VỀ TÊN GỌI, BỐ CỤC VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Về tên gọi của dự thảo Luật

Đa số ý kiến tán thành tên gọi của dự thảo Luật là Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; một số ý kiến đề nghị đổi tên dự thảo Luật thành Luật Dân chủ hoặc Luật Thực hiện dân chủ hoặc Luật Dân chủ ở cơ sở.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiếp thu ý kiến của đa số ý kiến đại biểu Quốc hội và đề nghị cho giữ tên gọi là Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, vừa bảo đảm tính bao quát và bám sát phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật đã được Quốc hội nhất trí là quy định về nội dung, phương thức, cách thức thực hiện dân chủ ở cơ sở, vừa thể hiện sự kế thừa các văn bản pháp luật đã có; tránh chồng chéo, trùng lặp với các quy định của các luật khác quy định về thực hiện dân chủ nói chung³; đồng thời, bảo đảm phù hợp với yêu cầu tại Chỉ thị số 30-CT/TW⁴, Thông báo kết luận số 160-TB/TW của Bộ Chính trị⁵ và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV⁶.

2. Về bố cục của dự thảo Luật

Nhiều ý kiến tán thành với bố cục của dự thảo Luật; có ý kiến đề nghị thiết kế lại các điều khoản của dự thảo Luật theo từng nhóm quyền cơ bản của công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, ... được thực hiện ở cơ sở.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiếp thu ý kiến của nhiều vị đại biểu Quốc hội và đề nghị cho giữ bố cục của dự thảo Luật theo hướng thể hiện từng nội dung theo phương châm dân biết (những nội dung phải công khai); dân bàn (những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến); dân làm (những nội dung Nhân dân quyết định); dân kiểm tra, dân giám sát (những nội dung Nhân dân kiểm tra, giám sát) ở từng loại hình cơ sở (xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị và tổ chức có sử dụng lao động); về trình tự, thủ tục thực hiện quyền dân chủ ở cơ sở của người dân, tương ứng là trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức có thẩm quyền trong việc bảo đảm thực hiện các quyền này của người dân. Bố cục của dự thảo Luật đã có sự kế thừa bố cục của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2007, Nghị định số 04/2015/NĐCP⁷, Nghị định số 145/2020/NĐ-CP⁸ của Chính phủ và phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật (điều chỉnh về việc “thực hiện dân chủ”, không quy định về các “quyền dân chủ”); đồng thời, tránh được sự chồng

³ Như Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND, Luật Trưng cầu ý dân, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo,...

⁴ Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

⁵ Thông báo kết luận số 160-TB/TW ngày 15/01/2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 08/12/2009 của Bộ Chính trị.

⁶ Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã xác định nhiệm vụ “Xây dựng, ban hành Luật Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (và thực hiện dân chủ ở cơ sở nói chung)”.

⁷ Nghị định số 04/2015/NĐCP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

⁸ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

chéo, xung đột với hệ thống pháp luật quy định về các nhóm quyền cơ bản của công dân về chính trị, dân sự, kinh tế,... được thực hiện ở cơ sở.

Bên cạnh đó, trong quá trình chỉnh lý dự thảo Luật có một số nội dung đã được sửa đổi, bổ sung nên về bố cục cũng được điều chỉnh cho phù hợp. Theo đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã bổ sung một điều riêng quy định về quyền thụ hưởng của người dân (Điều 7); bổ sung các quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện dân chủ ở mỗi loại hình cơ sở vào từng chương tương ứng để rõ việc, rõ trách nhiệm và trình tự, thủ tục thực hiện, qua đó gắn việc thực hiện dân chủ ở cơ sở với việc bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; bổ sung một mục (Mục 2 Chương III) quy định về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bàn và quyết định... Đồng thời, để bảo đảm tính logic, gắn nội dung với phương thức kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện dân chủ ở từng loại hình cơ sở, dự thảo Luật chuyển quy định về Ban Thanh tra nhân dân tại Chương V của dự thảo Luật trình Quốc hội cho ý kiến thành các tiểu mục trong các chương tương ứng. Cụ thể, bổ sung vào mục 4 Chương II tiểu mục về Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn; bổ sung vào mục 3 Chương III tiểu mục về Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị; bổ sung vào mục 4 Chương IV tiểu mục về Ban Thanh tra nhân dân ở tổ chức có sử dụng lao động...

3. Về phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật

- Đa số ý kiến tán thành phạm vi điều chỉnh của dự án Luật, trong đó có một chương quy định về thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp; một số ý kiến đề nghị Luật chỉ quy định về thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp nhà nước, không điều chỉnh đối với các loại hình doanh nghiệp khác; một số ý kiến đề nghị không quy định về thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp trong dự thảo Luật mà chỉ quy định mang tính dẫn chiếu đến các luật khác; có ý kiến đề nghị Luật chỉ quy định việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, không nên mở rộng quá nhiều đối tượng.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo như sau: phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật quy định việc thực hiện dân chủ ở cơ sở tại tất cả các loại hình doanh nghiệp, bởi: (1) *Về cơ sở chính trị, pháp lý:* việc thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp nói riêng và các tổ chức có thuê mướn, sử dụng lao động nói chung không phải là vấn đề mới được đặt ra mà đã được khẳng định từ lâu trong các văn kiện của Đảng và được thể chế hóa trong nhiều văn bản quy định về thực hiện dân chủ tại các loại hình doanh nghiệp và tại nơi làm việc⁹; (2) *Về cơ sở thực tiễn:* qua tổng kết việc thi hành pháp luật về thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp cho thấy, việc tổ chức thực hiện các quy định này đã đạt được các kết quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu

⁹ Kết luận số 120-KL/TW ngày 07/01/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; Nghị định số 07/1999/NĐ-CP ngày 13/02/1999 của Chính phủ ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước; Nghị định số 87/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn; Nghị định số 149/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 63 của Bộ luật Lao động năm 2012 về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc; Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động năm 2020 về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của đa số các vị đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã rà soát, cập nhật các quy định của pháp luật hiện hành về thực hiện dân chủ ở tổ chức có sử dụng lao động và bổ sung một số quy định đặc thù đối với doanh nghiệp nhà nước trong dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị chỉnh lý Điều 1 về phạm vi điều chỉnh để bao quát được hết các nội dung quy định trong các điều khoản cụ thể của dự thảo Luật.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý Điều 1 của dự thảo Luật như sau: Luật này quy định về nội dung, cách thức thực hiện dân chủ ở cơ sở, quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung phạm vi thực hiện dân chủ ở cơ sở đối với người nước ngoài đang cư trú, làm ăn, sinh sống tại Việt Nam; sinh viên, trẻ em, người già, người cô đơn, người khuyết tật...

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo như sau: phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật chỉ quy định đối với công dân Việt Nam mà không bao gồm người nước ngoài dựa trên cơ sở: (1) “Dân chủ” là khái niệm gắn liền với chủ quyền Nhân dân, chủ quyền đất nước; (2) Điều 28 của Hiến pháp năm 2013 quy định “Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước”; (3) Trường hợp người nước ngoài tham gia quan hệ lao động tại Việt Nam thì thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp với tư cách người lao động hoặc người sử dụng lao động theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan. Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 4 của dự thảo Luật quy định “Nhân dân thực hiện dân chủ tại xã, phường, thị trấn, tại thôn, tổ dân phố nơi mình cư trú” không giới hạn về độ tuổi, trình độ chuyên môn, điều kiện sức khỏe,..., nên các đối tượng là sinh viên, trẻ em, người già, người cô đơn, người khuyết tật là công dân Việt Nam đều là đối tượng điều chỉnh của Luật này. Do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị cho giữ quy định của dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị xác định rõ phạm vi của khái niệm “cơ sở” trong dự thảo Luật; có ý kiến đề nghị cân nhắc đối tượng điều chỉnh là các cơ quan của Đảng.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý khái niệm “cơ sở” theo hướng quy định cụ thể, chi tiết hơn các loại hình cơ sở và phạm vi công dân được thực hiện dân chủ ở cơ sở; cụ thể, tại khoản 1 Điều 2 của dự thảo Luật quy định: “Cơ sở là xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp

xã) và cộng đồng dân cư trên địa bàn cấp xã¹⁰; cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị); tổ chức có sử dụng lao động”; đồng thời, bổ sung khoản 4 Điều 2 giải thích rõ: “*Tổ chức có sử dụng lao động* bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức sự nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức khác có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động, trừ cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập”. Bên cạnh đó, dự thảo Luật cũng chỉnh lý lại quy định về phạm vi thực hiện dân chủ cơ sở tại Điều 4 của dự thảo Luật theo hướng: (1) Nhân dân thực hiện dân chủ tại xã, phường, thị trấn, tại thôn, tổ dân phố nơi mình cư trú; (2) Công dân là cán bộ, công chức, viên chức thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị nơi công tác. Trường hợp cơ quan, đơn vị có đơn vị trực thuộc thì việc thực hiện dân chủ tại đơn vị trực thuộc của cơ quan, đơn vị do người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định; (3) Công dân là người lao động thực hiện dân chủ tại tổ chức có sử dụng lao động nơi mình có giao kết hợp đồng lao động. Trường hợp tổ chức có sử dụng lao động có đơn vị trực thuộc thì việc thực hiện dân chủ tại đơn vị trực thuộc thực hiện theo quy định tại Điều lệ, nội quy, quy chế của tổ chức đó và pháp luật có liên quan.

II. VỀ NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG (CHƯƠNG I)

1. Về giải thích từ ngữ (Điều 2)

- Có ý kiến đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ “dân chủ”; “Ban Giám sát đầu tư cộng đồng”; “doanh nghiệp nhà nước”; “đơn vị sự nghiệp công lập”...; có ý kiến đề nghị việc giải thích từ ngữ trong dự thảo Luật phải bảo đảm thống nhất với các luật khác.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo như sau: việc giải thích từ ngữ trong văn bản luật là nhằm mục đích làm rõ khái niệm và thống nhất cách hiểu đối với những từ ngữ được sử dụng nhiều lần, lặp đi lặp lại trong cùng văn bản đó. Các từ ngữ nêu trên trong dự thảo Luật đã được sử dụng tại một số văn bản luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Viên chức... và được hiểu thống nhất, không gây nhầm lẫn, không có cách hiểu khác nhau. Do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thấy rằng dự thảo Luật chỉ nên tập trung giải thích các từ ngữ, cụm từ được sử dụng nhiều và còn có cách hiểu khác nhau, như “cơ sở”, “thực hiện dân chủ ở cơ sở”, “cộng đồng dân cư”, “tổ chức có sử dụng lao động”... là đầy đủ và phù hợp.

- Một số ý kiến đề nghị cân nhắc việc quy định “doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động” được gọi chung là “doanh nghiệp” vì không phù hợp với quy định tại khoản 10 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp; có ý kiến đề nghị gọi chung là “tổ chức kinh tế” như tại khoản 1 Điều 3 của Luật Đầu tư năm 2020.

¹⁰ Khoản 3 Điều 2 của dự thảo Luật quy định: “Cộng đồng dân cư là nhóm người Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, ấp, bản buôn, bon, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố, khối phố, xóm, tiểu khu (sau đây gọi chung là tổ dân phố)”.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý khoản 1 Điều 2 của dự thảo Luật theo hướng quy định “Cơ sở là...tổ chức có sử dụng lao động”; đồng thời, bổ sung khoản 4 Điều 2 giải thích rõ cụm từ “*Tổ chức có sử dụng lao động*” bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức sự nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức khác có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động, trừ cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập” và được sử dụng thống nhất tại các điều khoản cụ thể của dự thảo Luật.

2. Về quyền của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở (Điều 5 và Điều 7)

- Có ý kiến đề nghị ngoài việc được công khai thông tin, công dân còn được yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật; có ý kiến đề nghị bổ sung quyền kiểm tra, giám sát của công dân.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã bổ sung quy định quyền của công dân được yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 5 và bổ sung quyền kiểm tra, giám sát đối với các quyết định, hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 5 của dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định để tránh trường hợp người dân không được mời họp nhưng nội dung vẫn được thông qua.

Về vấn đề này, dự thảo Luật đã có các quy định cụ thể về quyền được tham gia ý kiến, thảo luận, quyết định của công dân; về các hình thức tham gia ý kiến của Nhân dân (thông qua cuộc họp, phiếu lấy ý kiến); dự thảo Luật cũng đã quy định nghiêm cấm hành vi giả mạo giấy tờ, gian lận hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bàn, quyết định, tham gia ý kiến của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (khoản 5 Điều 9). Do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị cho giữ quy định của dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về nội dung “Nhân dân thụ hưởng” trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy, quyền được “thụ hưởng” của Nhân dân là mục tiêu bao quát của các chính sách, pháp luật ở tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật, y tế, giáo dục, an sinh xã hội,... và bao hàm cả giá trị vật chất và tinh thần của người dân; mức độ thụ hưởng của Nhân dân trong từng lĩnh vực thay đổi theo từng thời kỳ, từng vụ việc cụ thể; phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của mỗi địa phương; điều kiện và đặc điểm của mỗi cơ quan, đơn vị. Để cụ thể hóa một bước về quyền “thụ hưởng” của Nhân dân trong việc thực hiện dân chủ, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng bổ sung một điều (Điều 7) quy định về quyền thụ hưởng của Nhân dân,

bao gồm: (1) Được Nhà nước và pháp luật công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Được bảo đảm thực hiện các quyền về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; (2) Được thông tin đầy đủ về các quyền và lợi ích hợp pháp mà mình được hưởng; (3) Được thụ hưởng thành quả đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, chế độ an sinh xã hội và sự an toàn, ổn định của đất nước, của địa phương và ở cộng đồng dân cư nơi sinh sống; thành quả đổi mới, phát triển của cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động nơi làm việc; (4) Được tạo điều kiện để tham gia học tập, công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của bản thân, gia đình và cộng đồng. Trên cơ sở đó, nội dung, cách thức Nhân dân “thụ hưởng” sẽ tiếp tục được cụ thể hóa tại các văn bản quy phạm pháp luật trong từng lĩnh vực.

3. Về các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở (Điều 8)

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, hoàn thiện chế độ, chính sách đãi ngộ, nâng cao kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở; bổ sung quy định về định lượng, tiêu chuẩn và thang đánh giá cụ thể về mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở của chính quyền địa phương cấp xã và cơ quan, đơn vị.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy, dự thảo Luật cần quy định khái quát các chính sách lớn liên quan đến việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở (về xây dựng con người, nâng cao năng lực, nhận thức, trách nhiệm, về đánh giá thực thi, về hạ tầng kỹ thuật...). Trên cơ sở quy định của dự thảo Luật, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm ban hành kế hoạch, chương trình, đề án để triển khai thực hiện với nhiều giải pháp cụ thể (ví dụ: xây dựng chương trình đào tạo, chương trình tuyên truyền, phổ biến, đầu tư trang thiết bị...). Do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị cho giữ quy định của dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung biện pháp xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân vi phạm thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở, cơ quan và doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; có ý kiến cho rằng quy định “ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, trang bị phương tiện, kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở” là chưa bảo đảm tính khả thi.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý Điều 8 của dự thảo Luật theo hướng bổ sung biện pháp phát hiện hành vi vi phạm và xử lý nghiêm cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở (khoản 4); bổ sung quy định việc *hỗ trợ, khuyến khích* ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, trang bị phương tiện, kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng chính quyền điện tử (khoản 5).

4. Về các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 9)

Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “phản ánh” trước từ “kiến nghị; bổ sung cụm từ “phản ánh, khởi kiện” vào sau cụm từ “khiếu nại, tố cáo” tại khoản 2; bổ sung một số hành vi nghiêm cấm như: “xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, uy tín của tổ chức, cá nhân trên không gian mạng; lợi dụng dân chủ để đạt được lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm”,...

Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiếp thu các ý kiến đại biểu Quốc hội và rà soát, chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng bổ sung các từ ngữ để diễn đạt đầy đủ các hành vi nghiêm cấm, tránh bỏ sót hành vi vi phạm.

5. Về xử lý vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở (Điều 10)

Một số ý kiến đề nghị không quy định cụ thể các biện pháp, chế tài xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở vì trùng lặp, chồng chéo với các văn bản pháp luật khác; có ý kiến đề nghị chỉ quy định “công dân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở” mà không cần liệt kê các đối tượng khác để tránh nhầm lẫn.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy ý kiến của đại biểu là xác đáng, việc quy định chế tài xử lý đối với từng hành vi, đối tượng vi phạm là không phù hợp, dễ dẫn đến chồng chéo, mâu thuẫn với các văn bản pháp luật khác. Tùy thuộc vào từng loại chủ thể, hành vi vi phạm pháp luật và mức độ của hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở mà pháp luật đã có các quy định cụ thể về chế tài xử lý vi phạm, bao gồm chế tài hình sự, chế tài xử lý vi phạm hành chính, chế tài xử lý kỷ luật hoặc trách nhiệm dân sự (Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức...). Do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng chỉ quy định mang tính nguyên tắc về xử lý vi phạm trong lĩnh vực thực hiện dân chủ ở cơ sở như đã được thể hiện tại Điều 10 của dự thảo Luật.

III. VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN (CHƯƠNG II)

1. Về công khai thông tin ở xã, phường, thị trấn (Mục 1 Chương II)

1.1. Về những nội dung chính quyền địa phương cấp xã phải công khai (Điều 11)

- Có ý kiến đề nghị quy định tất cả các nội dung liên quan đến nguồn lực công đều phải công khai trừ bí mật nhà nước.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý theo hướng trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật, chính quyền địa phương cấp xã phải công khai những nội dung trong đó có thông tin về nguồn lực công như thể hiện tại Điều 11 của dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị rà soát, bổ sung các nội dung công khai thông tin đã được quy định trong các luật chuyên ngành; có ý kiến đề nghị quy định rõ nội dung công khai thông tin gồm kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đề án định canh, định cư, phát triển ngành nghề, dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quản lý sử dụng đất ở cấp xã, việc thanh lý, đấu giá các tài sản thuộc cấp xã quản lý, việc cung cấp dự thảo các đề án, dự án, kế hoạch cho người dân, doanh nghiệp trước khi ban hành chính thức, việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ thôn, tổ dân phố, ...

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã bổ sung tại Điều 11 của dự thảo Luật một số nội dung thông tin phải công khai, bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, tránh hình thức hoặc quy định thiếu cụ thể, gây khó khăn trong quá trình thực hiện, như kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế hàng năm của cấp xã (khoản 1); số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính của cấp xã và dự toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính cấp xã; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã định kỳ; quyết toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (khoản 2); dự án, công trình đầu tư trên địa bàn cấp xã và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn cấp xã; kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do cấp xã quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của cấp xã; quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch xây dựng xã và điểm dân cư nông thôn; quy hoạch chung được lập cho thị trấn, đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được lập cho các khu vực thuộc phạm vi thị trấn (khoản 3); tình hình mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công do cấp xã quản lý (khoản 6). Đồng thời, rà soát, bổ sung một số thông tin như phải công khai danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; chỉnh lý lại quy định về công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc vi phạm kỷ luật của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; công khai kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân, nội dung lấy ý kiến, kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (các khoản 9, 10 và 11 Điều 11 của dự thảo Luật).

- Có ý kiến cho rằng việc công khai ngân sách chỉ nên thực hiện hằng năm vì những số liệu phải có sự thẩm định của cấp có thẩm quyền, nếu công khai định kỳ theo quý và 06 tháng thì số liệu đang trong quá trình thực hiện, gây khó khăn cho cơ sở trong việc thực hiện quy định của Luật.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy, khoản 2 Điều 11 của dự thảo Luật quy định việc công khai thông tin đối với số liệu và *thuyết minh tình hình thực hiện* dự toán ngân sách cấp xã định kỳ theo quý, 06 tháng, hằng năm là phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quá trình quản lý, sử dụng ngân sách; đối với thông tin về *quyết toán* ngân sách và *kết quả* thực hiện các hoạt động tài chính khác sẽ được công khai sau khi Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn. Do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị cho giữ quy định của dự thảo Luật.

1.2. Về các hình thức và lựa chọn hình thức công khai thông tin (Điều 12 và Điều 13)

- Có ý kiến đề nghị không quy định cụ thể các mạng xã hội zalo, facebook, viber, chỉ nên quy định chung là mạng xã hội; có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung một số hình thức công khai khác phù hợp với đặc thù miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa; có ý kiến đề nghị cần quy định cụ thể về thời điểm công khai thông tin trong dự thảo Luật.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý Điều 12 của dự thảo Luật theo hướng quy định cụ thể hơn về các hình thức công khai thông tin và bảo đảm để Nhân dân có khả năng tiếp cận được các thông tin đã được công khai một cách thực chất, bao gồm: (1) quy định hình thức công khai thông tin thông qua mạng xã hội được hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật (điểm h khoản 1); (2) bổ sung quy định việc công khai thông tin tại khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thực theo quy định của Chính phủ¹¹ (khoản 2); (3) bổ sung quy định cụ thể về thời điểm công khai thông tin, theo đó trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản, chính quyền địa phương cấp xã phải công khai thông tin (khoản 3).

- Một số ý kiến đề nghị quy định hình thức công khai phải phù hợp, hiệu quả, tránh hình thức; đề nghị quy định một hoặc một số hình thức công khai bắt buộc đối với mọi loại thông tin như niêm yết công khai hoặc công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử chính quyền cấp xã hoặc thông qua các cuộc họp; ngoài ra, tùy theo điều kiện ở địa phương có thể lựa chọn thêm các hình thức khác phù hợp để người dân nắm bắt được thông tin.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã bổ sung một điều (Điều 13) nhằm cụ thể hóa cách thức thực hiện các hình thức công khai

¹¹ Điểm b khoản 1 Điều 35 Luật Tiếp cận thông tin giao Chính phủ quy định biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Ngày 23/01/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 13/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin, trong đó quy định cụ thể các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin (Điều 2).

chính để làm cơ sở cho các địa phương thực hiện một cách thống nhất, khả thi; trong đó quy định cụ thể về việc lựa chọn hình thức công khai thông tin, trong đó quy định các yêu cầu, điều kiện để thực hiện việc lựa chọn hình thức công khai thông tin tại trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử cấp xã (khoản 1); niêm yết thông tin tại trụ sở HĐND, UBND cấp xã, nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố (khoản 2); công khai trên hệ thống truyền thanh cấp xã (nếu có) (khoản 3); gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến Nhân dân (khoản 4); đồng thời, quy định rõ cùng với việc thực hiện công khai thông tin bằng các hình thức quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, UBND cấp xã có thể lựa chọn thêm các hình thức công khai thông tin khác quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, bảo đảm để Nhân dân tiếp cận thông tin kịp thời, thuận lợi.

- Có ý kiến đề nghị đối với quy định công khai thông tin thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến Nhân dân thì cần nêu rõ hình thức thông báo cụ thể để Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện hiệu quả.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 13 của dự thảo Luật theo hướng thông tin được gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến Nhân dân có thể được thực hiện tại cuộc họp của thôn, tổ dân phố; cuộc họp, sinh hoạt của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố; thông báo trực tiếp hoặc gửi văn bản thông báo đến từng hộ gia đình; thông qua tin nhắn đến đại diện hộ gia đình hoặc sử dụng mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật và đã được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn.

- Có ý kiến đề nghị cân nhắc hình thức niêm yết tại trụ sở UBND, nhà văn hóa thôn, tổ dân phố vì người dân khó tiếp cận; có ý kiến đề nghị không gửi trực tiếp bằng văn bản đến Nhân dân vì không cần thiết, tốn chi phí; có ý kiến đề nghị cân nhắc việc công khai thông tin trên hệ thống truyền thanh cấp xã vì không bảo đảm tính khả thi; có ý kiến cân nhắc hình thức công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử chính quyền cấp xã vì thiếu đội ngũ cán bộ chuyên sâu về công nghệ thông tin, thiếu kinh phí xây dựng hệ thống thông tin điện tử; có ý kiến đề nghị bổ sung quy định trách nhiệm xây dựng các kênh thông tin phù hợp cho các đối tượng yếu thế như người già, người tàn tật khó tiếp cận các hình thức công khai thông tin hiện đại.

Về các ý kiến của đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo cụ thể như sau: (1) đối với các hình thức niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã, nhà văn hóa thôn, tổ dân phố; gửi trực tiếp bằng văn bản đến Nhân dân; thông tin trên hệ thống truyền thanh có thể chưa phát huy hiệu quả tại địa bàn đô thị, nơi người dân dễ dàng tiếp cận thông tin trên môi trường mạng, nhưng với địa bàn nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa thì các hình thức công khai thông tin này vẫn thực sự cần thiết; (2) việc lựa chọn hình thức công khai thông tin hiệu quả phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán của mỗi địa bàn dân cư, do vậy, dự thảo Luật quy định đa dạng hình thức công khai thông

tin để phù hợp với nhiều địa bàn dân cư trên phạm vi cả nước; (3) tại Điều 12 và Điều 13 của dự thảo Luật đã quy định nhiều hình thức và việc lựa chọn hình thức công khai thông tin; trường hợp tại nơi chưa thiết lập trang thông tin điện tử thì có đủ cơ sở pháp lý để chính quyền địa phương công khai thông tin dưới các hình thức phù hợp khác. Về hình thức công khai thông tin phù hợp cho các đối tượng yếu thế, Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định số 13/2018/NĐ-CP đã quy định cụ thể nội dung này, dự thảo Luật không quy định lại để tránh trùng lặp. Do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị cho giữ quy định của dự thảo Luật.

1.3. Về trách nhiệm tổ chức thực hiện công khai thông tin (Điều 14)

Có ý kiến đề nghị đối với những thông tin công khai có khối lượng lớn hoặc có sự thay đổi thì UBND cấp xã phải có phương án khắc phục để công khai thông tin cho người dân.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã bổ sung quy định trường hợp thông tin cần công khai có khối lượng lớn, nội dung phức tạp thì UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức biên tập lại thông tin để người dân dễ tiếp cận. Trường hợp thông tin đã công khai có sự thay đổi, điều chỉnh thì nội dung thay đổi, điều chỉnh phải được kịp thời công khai theo quy định và được thể hiện cụ thể tại khoản 2 Điều 14 của dự thảo Luật.

2. Về Nhân dân bàn và quyết định (Mục 2 Chương II)

2.1. Về những nội dung Nhân dân bàn và quyết định (Điều 15)

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định việc Nhân dân bàn và quyết định đối với việc lập, thu và chi các loại quỹ xã hội, quỹ từ thiện và các khoản đóng góp khác từ nguồn cộng đồng dân cư vì không phù hợp với quy định của pháp luật về quỹ.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý khoản 2 Điều 15 của dự thảo Luật theo hướng quy định Nhân dân được bàn và quyết định đối với việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp tại cộng đồng dân cư thay cho các loại quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

- Có ý kiến đề nghị cần nhắc quy định Nhân dân bàn và quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và thành viên Ban Thanh tra nhân dân.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và thành viên Ban thanh tra nhân dân là các chức danh làm việc vì trách nhiệm, tâm huyết với cộng đồng là chính, cần được động viên, khuyến khích; hơn nữa, đây không phải là cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức nên chỉ cần quy định nếu không còn tín nhiệm thì cộng đồng dân cư quyết định cho thôi làm nhiệm vụ mà không cần thiết phải làm thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm. Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng quy định Nhân dân bàn và quyết

định việc bầu, cho thôi Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và được thể hiện tại khoản 4 và khoản 5 Điều 15 của dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị cần nhắc nội dung Nhân dân bàn và quyết định các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật và phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội (tại khoản 6 Điều 15) vì quy định này còn mang tính tùy nghi, khó xác định.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo như sau: dự thảo Luật đã có các quy định cụ thể nhằm bảo đảm quyết định của cộng đồng dân cư không trái quy định của pháp luật và phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội; hơn nữa, khoản 2 Điều 22 của dự thảo Luật cũng đã quy định thẩm quyền của UBND cấp xã quyết định bãi bỏ văn bản của cộng đồng dân cư có nội dung trái quy định của pháp luật và không phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội. Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉnh lý khoản 6 Điều 15 của dự thảo Luật theo hướng quy định Nhân dân bàn và quyết định “các công việc *tự quản* khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội”.

2.2. Về thẩm quyền đề xuất nội dung để Nhân dân bàn và quyết định (Điều 16)

Có ý kiến đề nghị lý giải vì sao quy định điều kiện “có 10% cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tại thôn, tổ dân phố đồng thuận”, quy định này làm hạn chế khả năng sáng tạo, mong muốn và tinh thần đóng góp của người dân với cộng đồng; ý kiến khác lại đề nghị cần tăng tỷ lệ này lên 20% hoặc 30% để thể hiện rõ hơn tính cộng đồng.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo như sau: quy định tại khoản 3 Điều 16 của dự thảo Luật được xây dựng trên cơ sở tham khảo và áp dụng tương tự quy định tại khoản 3 Điều 78 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (tỷ lệ 10% cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình đề xuất thì tổ chức phiên họp bất thường của HĐND cấp xã). Mặt khác, quy mô thôn, tổ dân phố hiện nay trung bình từ 200 - 450 hộ, thì 10% là khoảng 20 - 45 cử tri đại diện hộ gia đình, đây là con số có thể thực hiện trên thực tế; đồng thời việc yêu cầu có sự đồng thuận của 10% cử tri sẽ phản ánh vấn đề đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết định là vấn đề quan trọng, nhận được sự quan tâm của cộng đồng dân cư mà không phải các vấn đề có tính chất cá nhân. Do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị cho giữ tỷ lệ 10% như quy định của dự thảo Luật. Bên cạnh đó, để khuyến khích sự sáng tạo và tinh thần đóng góp của người dân, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 16 của dự thảo Luật “Trường hợp sáng kiến của công dân chưa đạt 10% tổng số hộ gia đình tại thôn, tổ dân phố đồng thuận mà có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư và được Ban công

tác Mặt trận thôn, tổ dân phố thống nhất thì được đưa ra để cộng đồng dân cư bàn và quyết định”.

2.3. Về hình thức Nhân dân bàn và quyết định; tổ chức cuộc họp của thôn, tổ dân phố; phát phiếu lấy ý kiến đến từng hộ gia đình (các điều 17, 18 và 19)

- Một số ý kiến băn khoăn về việc sử dụng từ “cử tri” bởi cho rằng, quy định như dự thảo Luật dễ gây nhầm lẫn với khái niệm “cử tri” được sử dụng trong pháp luật về bầu cử và không thực sự khả thi, không xác định được trường hợp nào thì toàn thể cử tri, trường hợp nào thì cử tri đại diện hộ gia đình được tham gia bàn và quyết định các vấn đề của cơ sở; nhiều ý kiến băn khoăn về tỷ lệ cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tham gia họp, lấy ý kiến để được coi là đủ điều kiện tổ chức họp, lấy ý kiến.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy, thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật hiện hành về việc tổ chức để Nhân dân bàn, Nhân dân quyết định các vấn đề ở cơ sở thời gian qua gặp rất nhiều khó khăn. Do số lượng dân của thôn, tổ dân phố quá đông¹² nên phần lớn các thôn, tổ dân phố trong cả nước không có đủ cơ sở vật chất (hội trường, địa điểm và các điều kiện cần thiết khác...) để tổ chức việc họp toàn thể cử tri trên địa bàn; ngay cả việc tổ chức họp đại diện hộ gia đình cũng có nơi khó thực hiện được. Địa bàn nhiều thôn, tổ dân phố quá rộng cũng làm cho việc tổ chức, tham gia hội họp, lấy ý kiến cử tri mất rất nhiều thời gian, công sức. Bởi vậy, trừ trường hợp pháp luật quy định rõ là cần lấy ý kiến hay biểu quyết của toàn thể cử tri trên địa bàn (thường thực hiện bằng việc gửi phiếu xin ý kiến hoặc biểu quyết đến từng cử tri), còn phần lớn các trường hợp, địa phương chỉ tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của “đại diện hộ gia đình” khi bàn, tham gia ý kiến hoặc quyết định các vấn đề của địa phương, của cộng đồng.

Để bảo đảm tính khả thi, tính dân chủ và phù hợp với điều kiện thực tế, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng quy định Nhân dân ở thôn, tổ dân phố bàn và quyết định những nội dung quy định tại Luật này bằng một trong các hình thức sau đây (được thể hiện cụ thể tại các điều 17, 18 và 19 của dự thảo Luật):

(1) Tổ chức cuộc họp của thôn, tổ dân phố với thành phần tham dự gồm “đại diện các hộ gia đình” (thay cho “cử tri” hoặc “cử tri đại diện hộ gia đình”) trong thôn, tổ dân phố; trường hợp thôn, tổ dân phố có từ 200 hộ gia đình trở lên hoặc có địa bàn dân cư sinh sống không tập trung thì có thể tổ chức các cuộc họp theo từng cụm dân cư để bàn bạc, thảo luận về các vấn đề của cấp xã, của thôn, tổ dân phố. Cuộc họp của thôn, tổ dân phố có đại diện của số hộ gia đình tham dự

¹² Theo Thông tư số 14/2018/TT-BNV sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, quy mô của thôn, tổ dân phố đã được tăng lên khá nhiều, ít nhất cũng là từ 150 hộ gia đình trở lên (đối với thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh thì quy mô số hộ gia đình của thôn, tổ dân phố tối thiểu phải đạt từ 450 hộ gia đình), tương đương với khoảng từ trên 500 đến vài nghìn dân.

bảo đảm đủ tỷ lệ để có thể biểu quyết thì có thể biểu quyết để quyết định các nội dung đã được bàn bạc. Việc biểu quyết có thể thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do các thành viên tham dự cuộc họp quyết định (Điều 18).

(2) Phát phiếu biểu quyết, lấy ý kiến tới từng hộ gia đình trong trường hợp cuộc họp của thôn, tổ dân phố không có đủ đại diện của số hộ gia đình tham dự hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định lựa chọn hoặc do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố quyết định sau khi đã thống nhất với Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố (Điều 19).

(3) Trường hợp pháp luật có quy định khác về việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định các vấn đề của thôn, tổ dân phố như phải lấy ý kiến của toàn thể cử tri trên địa bàn về một số nội dung cụ thể thì thực hiện theo quy định đó¹³ (Điều 17).

- Có ý kiến đề nghị cân nhắc hình thức phát phiếu lấy ý kiến đến từng hộ gia đình quy định trong dự thảo Luật, vì có thể người dân không biết chữ; không có cơ chế kiểm soát số lượng phiếu phát ra, thu vào; không bảo đảm cung cấp thông tin đầy đủ cho người dân để làm cơ sở cho việc đưa ra ý kiến nên tính pháp lý, giá trị tham khảo của lá phiếu không cao.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã bổ sung một điều (Điều 19) quy định về việc phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình, trong đó quy định rõ các trường hợp cần tổ chức phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình; đồng thời, quy định rõ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến; thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến có từ 03 đến 05 người; Tổ phát phiếu có nhiệm vụ gửi phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến từng hộ gia đình; tổ chức thu phiếu và tổng hợp kết quả phiếu lấy ý kiến.

2.4. Về hiệu lực thi hành quyết định của cộng đồng dân cư (Điều 21)

- Một số ý kiến đề nghị cân nhắc quy định “quyết định của cộng đồng dân cư được thông qua khi có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành”; có ý kiến đề nghị tăng tỷ lệ cử tri tán thành nhằm bảo đảm sự đồng thuận của đa số và công bằng hơn.

Tiếp thu các ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý khoản 1 Điều 21 của dự thảo Luật theo hướng phân định rõ một số trường hợp quyết định của cộng đồng dân cư chỉ được thông qua khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số hộ gia đình trở lên tán thành (như việc quyết định các mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, việc lập, thu, quản lý các khoản đóng góp của cộng đồng dân cư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 của dự thảo Luật) để tăng tính

¹³ Ví dụ như quy định về việc lấy ý kiến cử tri đối với phương án thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính...

đồng thuận trong cộng đồng dân cư, bảo đảm cho việc thực hiện các quy định của cộng đồng dân cư trên thực tế. Đối với các trường hợp còn lại thì quyết định của cộng đồng dân cư được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trở lên trong thôn, tổ dân phố tán thành.

- Có ý kiến đề nghị giải trình lý do chuyển thẩm quyền công nhận hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố từ UBND cấp huyện sang UBND cấp xã.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội thấy rằng, Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2007 quy định việc công nhận hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện. Tuy nhiên, thực tiễn tổ chức thực hiện quy định này cho thấy việc giao UBND cấp huyện thực hiện công nhận hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố chưa bảo phù hợp với quá trình đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và nâng cao năng lực của chính quyền địa phương cấp xã nói chung và đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã nói riêng theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. Do đó, việc chuyển thẩm quyền quyết định công nhận hương ước, quy ước từ UBND cấp huyện sang UBND cấp xã như quy định tại khoản 2 Điều 21 của dự thảo Luật là phù hợp.

2.5. Về sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ văn bản của cộng đồng dân cư (Điều 22)

- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể về thời hạn sửa đổi, bổ sung, cho tạm dừng hoặc đình chỉ việc thi hành đối với những phần nội dung văn bản của cộng đồng dân cư có nội dung không phù hợp trong thời gian chờ để sửa đổi, bổ sung thay thế văn bản của cộng đồng dân cư; có ý kiến đề nghị quy định cụ thể tỷ lệ phần trăm cộng đồng dân cư tán thành thì phải sửa đổi, bổ sung nghị quyết của cộng đồng dân cư để có cơ sở triển khai thực hiện.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy, văn bản của cộng đồng dân cư có nội dung đa dạng, có thể là văn bản áp dụng một lần hoặc nhiều lần, do vậy việc quy định thời hạn chờ để sửa đổi, bổ sung, cho tạm dừng hoặc thay thế văn bản của cộng đồng dân cư là chưa thực sự phù hợp; hơn nữa, trong trường hợp nếu thấy quyết định của cộng đồng dân cư có nội dung trái quy định của pháp luật, trái với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội thì đã bị bãi bỏ; dự thảo Luật cũng đã quy định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản của cộng đồng dân cư được thực hiện theo trình tự, thủ tục như đối với ban hành mới tại các điều 18, 19 và 21 của dự thảo Luật. Do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị cho giữ quy định của dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị đối với nội dung quy định “có nội dung trái pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội” thì cần đưa vào trường hợp bãi bỏ ngay.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý theo hướng quy định Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bãi bỏ quyết định của cộng đồng dân cư nếu thuộc trường hợp quyết định của cộng đồng dân cư có nội

dung trái quy định của pháp luật, trái với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội (khoản 2 Điều 22).

2.6. Về trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư (Điều 23 và Điều 24)

Có ý kiến cho rằng, việc tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư thì ngoài trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thì các chủ thể khác như hộ gia đình, cán bộ, công chức, đảng viên cũng phải có trách nhiệm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, ngoài việc quy định trách nhiệm của UBND cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trong việc tổ chức đề Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư (Điều 23), Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã bổ sung một số điều quy định về sự tham gia của Nhân dân, trong đó quy định rõ trách nhiệm của công dân, hộ gia đình, đại diện hộ gia đình, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên trong việc tham gia bàn, quyết định và thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư cũng như trong việc tham gia ý kiến (Điều 24 và Điều 29).

3. Về Nhân dân tham gia ý kiến (Mục 3 Chương II)

3.1. Về nội dung, hình thức Nhân dân tham gia ý kiến (các Điều 25 và Điều 26)

- Một số ý kiến đề nghị bổ sung các nội dung người dân được tham gia ý kiến như về dự thảo các văn bản, chính sách pháp luật có tác động đến các đối tượng cụ thể cho phù hợp với các luật chuyên ngành.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý Điều 25 của dự thảo Luật theo hướng bổ sung nội dung Nhân dân tham gia ý kiến về dự thảo nhiệm vụ và đề án quy hoạch chung xây dựng, dự thảo nhiệm vụ và đề án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn; dự thảo quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành là công dân trên địa bàn cấp xã...

- Có ý kiến đề nghị bổ sung hình thức Nhân dân tham gia ý kiến như gửi ý kiến trực tiếp tại hội nghị lấy ý kiến Nhân dân, các buổi sinh hoạt thường kỳ của các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương.

Tiếp thu các ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý Điều 26 của dự thảo Luật theo hướng bổ sung các hình thức Nhân dân tham gia ý kiến thông qua Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội mà người dân là hội viên; thông qua Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của chính quyền địa phương cấp xã (điểm đ và điểm e khoản 1); chỉnh lý quy định về hình thức công khai thông tin thông qua mạng xã hội được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam (điểm g khoản 1); bổ sung hình thức tổ chức đối thoại, lấy ý kiến đối tượng thi hành đối với nội dung quy định tại khoản

7 Điều 25 của Luật này; đồng thời, quy định việc áp dụng trong trường hợp pháp luật có quy định khác về hình thức, cách thức cụ thể lấy ý kiến của Nhân dân thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó (khoản 2).

3.2. Về tổ chức đối thoại, lấy ý kiến công dân là đối tượng thi hành trong trường hợp UBND cấp xã ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành (Điều 27)

- Có ý kiến đề nghị quy định rõ thành phần cuộc họp đối thoại; về trách nhiệm giải trình của UBND cấp xã và trách nhiệm ban hành quyết định hành chính của người có thẩm quyền.

Tiếp thu các ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý khoản 2 Điều 28 của dự thảo Luật theo hướng quy định trường hợp quyết định hành chính áp dụng đối với nhiều đối tượng hoặc khi xét thấy cần thiết, thì UBND cấp xã có thể tổ chức cuộc họp đối thoại, lấy ý kiến trực tiếp của công dân là đối tượng thi hành quyết định; thành phần tham dự cuộc họp bao gồm lãnh đạo UBND cấp xã, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, đại diện Ban Thanh tra nhân dân cấp xã và công dân là đối tượng thi hành quyết định hành chính (khoản 2); nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến của công dân được gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; người có thẩm quyền ban hành quyết định hành chính quyết định và chịu trách nhiệm về việc ban hành quyết định hành chính theo thẩm quyền (khoản 3).

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về xử lý trong trường hợp kết quả đối thoại giữa UBND cấp xã và các đối tượng chịu sự tác động nhưng chưa có sự đồng thuận.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy, tại Điều 27 của dự thảo Luật đã có quy định chặt chẽ về việc ban hành quyết định hành chính, theo đó trước khi ký ban hành quyết định hành chính, UBND cấp xã có trách nhiệm thông tin và tạo điều kiện để đối tượng thi hành quyết định hành chính trình bày ý kiến; ý kiến của đối tượng thi hành phải được tổng hợp, tiếp thu hoặc giải trình; người có thẩm quyền ban hành quyết định hành chính quyết định và chịu trách nhiệm về việc ban hành quyết định hành chính theo thẩm quyền. Do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị cho giữ quy định của dự thảo Luật.

3.3. Về trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến (Điều 28)

Có ý kiến đề nghị xem xét rút ngắn thời gian lấy ý kiến Nhân dân để tập trung hơn các ý kiến góp ý, bảo đảm chất lượng và không làm chậm trễ việc ban hành các quyết sách của địa phương cơ sở.

Tiếp thu các ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý khoản 2 Điều 28 của dự thảo Luật theo hướng giảm thời gian lấy ý kiến ít nhất từ 30 ngày xuống còn 20 ngày, kể từ ngày công khai dự thảo văn bản.

Trường hợp pháp luật có quy định cụ thể thời hạn lấy ý kiến Nhân dân thì thực hiện theo quy định đó.

4. Về Nhân dân kiểm tra, giám sát (Mục 4 Chương II)

4.1. Về nội dung Nhân dân kiểm tra, giám sát (Điều 30)

Có ý kiến đề nghị bổ sung nội dung người dân được kiểm tra, giám sát hoạt động của chính quyền và những vấn đề do cộng đồng dân cư quyết định.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý Điều 30 của dự thảo Luật theo hướng quy định rõ công dân được kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà Nhân dân đã bàn và quyết định quy định tại Điều 15 của Luật này (khoản 1); công dân được giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân (khoản 2).

4.2. Về hình thức Nhân dân kiểm tra, giám sát (Điều 31)

Có ý kiến đề nghị cân nhắc việc quy định Nhân dân thực hiện kiểm tra thông qua hoạt động khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị; cân nhắc việc Nhân dân thực hiện giám sát theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật quy định rất chung về trình tự, thủ tục Nhân dân kiểm tra, giám sát theo hướng dẫn chiếu sang các quy định của pháp luật có liên quan, đề nghị cần quy định cụ thể hơn để làm cơ sở thực hiện thống nhất trong thực tiễn.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy, việc khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân cũng như việc giải quyết của cơ quan, người có thẩm quyền chỉ là hệ quả từ hoạt động kiểm tra, giám sát của Nhân dân. Bên cạnh đó, các hoạt động tiếp công dân, tiếp xúc cử tri, đối thoại giữa Nhân dân với chính quyền địa phương cũng không phải là một hình thức giám sát của Nhân dân mà thuộc trách nhiệm của đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND đã được quy định tại Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý khoản 1 Điều 31 của dự thảo Luật theo hướng quy định cụ thể các hình thức công dân trực tiếp kiểm tra, giám sát thông qua: (1) Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, làm việc, công tác, sinh hoạt của công dân ở cộng đồng dân cư; (2) Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, với người dân ở cộng đồng dân cư; (3) Tiếp cận các thông tin được công khai, thông tin, báo cáo của chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý hoặc thực hiện các nội dung Nhân dân đã bàn và quyết định; (4) Tham dự hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân, hội nghị tiếp xúc cử tri, hoạt động tiếp công

dân. Đồng thời, công dân còn được thực hiện việc giám sát thông qua hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác ở địa phương (khoản 2 Điều 31).

4.3. Về hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND cấp xã với Nhân dân; Hội nghị định kỳ của thôn, tổ dân phố (Điều 32 và Điều 33)

- Có ý kiến đề nghị bổ sung hình thức Nhân dân kiểm tra, giám sát thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 32 của dự thảo Luật như sau: Hằng năm, UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân trên địa bàn về tình hình hoạt động của UBND và những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân ở địa phương.

- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể về thời điểm đối thoại, nội dung, trình tự, thủ tục, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị đối thoại với Nhân dân; có ý kiến đề nghị việc tổ chức hội nghị có thể “hàng năm” hoặc “khi cần thiết” hoặc “thường xuyên”; bổ sung quy định người đứng đầu cấp ủy, chính quyền thực hiện việc tiếp dân hàng tháng và quy định việc giải quyết kiến nghị, phản ánh của người dân thông qua hoạt động tiếp dân, đối thoại với Nhân dân.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy, nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị đối thoại với Nhân dân đã được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Do vậy, dự thảo Luật quy định theo hướng viện dẫn thực hiện theo pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương là phù hợp, tránh chồng chéo, trùng lặp giữa các luật. Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã bổ sung một điều (Điều 33) về hội nghị định kỳ của thôn, tổ dân phố, trong đó quy định hội nghị của thôn, tổ dân phố được tổ chức định kỳ mỗi năm 01 lần vào thời gian cuối năm; đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết việc tổ chức hội nghị định kỳ của thôn, tổ dân phố.

4.4. Về trách nhiệm trong việc tạo điều kiện để Nhân dân kiểm tra, giám sát tại cơ sở (Điều 35)

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm của chính quyền địa phương, của người trực tiếp quyết định hoặc đại diện hợp pháp của người quyết định trong việc tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân, của Ban Thanh tra nhân dân sau khi thực hiện kiểm tra, giám sát.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý Điều 35 của dự thảo Luật theo hướng bổ sung quy định các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật này có trách nhiệm tiếp nhận, xử

lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của người dân theo thẩm quyền hoặc thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật (khoản 1); đồng thời, quy định rõ trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc tạo điều kiện để Nhân dân kiểm tra, giám sát tại cơ sở; trong đó bổ sung quy định UBND cấp xã có trách nhiệm xem xét, giải quyết, giải trình và trả lời kịp thời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã hoặc báo cáo, chuyên thông tin đến cơ quan có thẩm quyền đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình; phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, căn cứ vào yêu cầu, đặc điểm và điều kiện thực tế của địa phương, xây dựng quy chế thực hiện dân chủ của xã, phường, thị trấn để quy định cụ thể hơn nội dung, cách thức thực hiện dân chủ trên địa bàn cấp xã làm cơ sở để công dân kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Nội dung của quy chế thực hiện dân chủ của xã, phường, thị trấn có thể mở rộng hơn phạm vi thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn nhưng không được trái hay hạn chế việc thực hiện các nội dung đã được quy định trong Luật này. Khuyến khích các địa phương xây dựng và ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong từng lĩnh vực, nội dung hoạt động cụ thể ở xã, phường, thị trấn (khoản 2).

- Có ý kiến cho rằng, để việc kiểm tra, giám sát của Nhân dân bảo đảm đúng quy định của pháp luật, tránh việc lợi dụng kiểm tra, giám sát làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân thì cần có quy định về trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện kiểm tra, giám sát của mình.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã bổ sung quy định công dân chịu trách nhiệm về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình; chủ động, tích cực phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc xác minh, kiểm tra, giám sát đối với các nội dung mà công dân đã kiến nghị, đề nghị (khoản 3 Điều 35).

4.5. Về Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng (Tiểu mục 3 Mục 4 Chương II của dự thảo Luật, các điều 41, 42, 43, 44 và 45)

Một số ý kiến đề nghị luật hóa các quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng từ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ¹⁴ vào Luật này tương tự như đã làm đối với Ban Thanh tra nhân dân; một số ý kiến đề nghị mở rộng các hình thức kiểm tra, giám sát có tính tự quản tương tự của Nhân dân (như Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Tổ hòa giải, Tổ Bảo vệ dân phố, Đội Dân phòng, ...).

¹⁴ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng là một trong những thiết chế tự quản đang hoạt động khá hiệu quả trong việc bảo đảm quyền kiểm tra của Nhân dân tại cơ sở, đặc biệt là tại xã, phường, thị trấn. Mặc dù việc tổ chức và hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đang được quy định tại pháp luật về đầu tư công nhưng về bản chất đây lại là một trong nhiều cách thức để người dân thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, để cụ thể hóa quyền kiểm tra, giám sát của người dân trong thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã bổ sung một tiêu mục gồm 05 điều (từ Điều 41 đến Điều 45 của dự thảo Luật) quy định về tổ chức, tiêu chuẩn thành viên, nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Đôi với các tổ chức tự quản khác như Tổ hòa giải, Tổ Bảo vệ dân phố, Đội Dân phòng đã được quy định cụ thể tại một số văn bản pháp luật (Luật Hòa giải,...); hiện nay, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đang được giao xây dựng Đề án “Thực hiện mô hình tự quản ở cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố” nhằm nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng về tính hiệu quả và khả năng áp dụng rộng rãi các mô hình tự quản ở thôn, tổ dân phố. Do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thấy rằng cần tiếp tục nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng vấn đề này trước khi đưa thành quy định cụ thể của luật. Hiện tại, trong dự thảo Luật cũng đã có quy định theo hướng có thể phát huy tối đa sự tham gia của người dân thông qua các hình thức tự quản ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật.

IV. VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ (CHƯƠNG III)

1. Về công khai thông tin tại cơ quan, đơn vị (Mục 1 Chương III, các điều 46, 47 và 48)

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định loại trừ các nội dung, thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác hoặc chưa được công khai theo quy định của pháp luật; một số ý kiến đề nghị bổ sung hình thức công khai; có ý kiến đề nghị rút ngắn thời gian niêm yết.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã bổ sung quy định về loại trừ việc công khai các nội dung, thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật tại Điều 46; đồng thời, chỉnh lý rút ngắn thời gian niêm yết từ 30 ngày thành 20 ngày tại khoản 2 Điều 48 của dự thảo Luật (thống nhất với Chương II).

- Có ý kiến đề nghị chỉ nên quy định tập trung vào 03 hình thức công khai là: niêm yết tại trụ sở cơ quan, đơn vị; thông báo bằng văn bản gửi toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị và thông báo qua hệ thống thông tin nội bộ hoặc đăng trên cổng, trang thông tin của cơ quan, đơn vị.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo như sau: việc quy định nhiều hình thức công khai thông tin nhằm tạo sự linh hoạt, chủ động cho cơ quan, đơn vị trong thực hiện công khai thông tin, bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được tiếp cận thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, phù hợp với tính chất tổ chức, hoạt động của cơ quan, đơn vị. Do vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý theo hướng bổ sung thêm một số hình thức công khai thông tin như công bố tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị; thông qua người phụ trách các bộ phận của cơ quan, đơn vị để thông báo đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị; các hình thức khác theo quy định của pháp luật hoặc quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan, đơn vị như dự thảo Luật;... và được thể hiện cụ thể tại khoản 1 Điều 47 của dự thảo Luật.

2. Về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bàn và quyết định (Mục 2 Chương III)

2.1. Về nội dung, hình thức cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bàn và quyết định (Điều 49 và Điều 50)

Có ý kiến đề nghị dự thảo Luật cần quy định rõ những nội dung, hình thức cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được bàn và quyết định để các đối tượng này thực hiện đầy đủ các quyền thực hiện dân chủ ở cơ sở; đồng thời bảo đảm thống nhất với quy định về nội dung, hình thức thực hiện dân chủ ở cơ sở tại các loại hình khác.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng bổ sung một mục (Mục 2 Chương III), trong đó quy định cụ thể về những nội dung cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bàn và quyết định, bao gồm: (1) Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị; (2) Việc thu, chi, quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị; (3) Các công việc tự quản khác trong nội bộ cơ quan, đơn vị không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội (Điều 49); đồng thời, quy định hình thức bàn và quyết định thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc gửi phiếu lấy ý kiến của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phù hợp với yêu cầu, điều kiện của từng cơ quan, đơn vị. Đối với những cơ quan, đơn vị có dưới 07 cán bộ, công chức, viên chức thì không phải tổ chức hội nghị người lao động (điểm đ khoản 2 Điều 51).

2.2. Về tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (Điều 51)

- Có ý kiến đề nghị cần nhắc việc hàng năm tổ chức hội nghị để xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ; có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về việc thông qua các nội dung thảo luận tại hội nghị.

Tiếp thu các ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng đưa nội dung hội nghị thảo luận, quyết định quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị (nếu có) sang thành nội dung cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến (khoản 8 Điều 53); đồng thời, bổ sung nội dung thông qua nghị quyết hội nghị tại điểm i khoản 4 Điều 51 của dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định hội nghị cán bộ, công chức, viên chức người lao động tại các cơ sở giáo dục được tổ chức vào tháng đầu tiên của năm học tiếp theo cho phù hợp với thực tiễn hoạt động của các đơn vị này.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo như sau: khoản 1 Điều 51 của dự thảo Luật đã quy định hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được tổ chức định kỳ mỗi năm một lần sau khi kết thúc năm công tác của cơ quan, đơn vị nhưng không chậm hơn 03 tháng của năm công tác tiếp theo do người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định sau khi lấy ý kiến của Công đoàn cơ quan, đơn vị. Quy định này nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị tổ chức hội nghị phù hợp với điều kiện thực tiễn và tính chất hoạt động của cơ quan, tổ chức mình. Do vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị cho giữ quy định của dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị cần quy định rõ số lượng, thành phần, cách thức tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động để bảo đảm chất lượng, hiệu quả và bảo đảm tính khả thi.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng nâng cấp, bổ sung tương đối đầy đủ yêu cầu, nội dung, cách thức tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; theo đó đã quy định linh hoạt hơn về thành phần dự hội nghị, như đối với cơ quan, đơn vị có tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ 100 người trở lên hoặc có ít hơn 100 người nhưng làm việc phân tán trên địa bàn rộng hay vì lý do nghiệp vụ không thể bỏ vị trí làm việc, thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị thống nhất với Công đoàn cơ quan, đơn vị quyết định thành phần tham dự hội nghị là toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc đại biểu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phù hợp với đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị (điểm b khoản 2 Điều 51); đồng thời, quy định đối với cơ quan, đơn vị có dưới 07 cán bộ, công chức, viên chức thì không phải tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (điểm đ khoản 2 Điều 51).

- Có ý kiến đề nghị làm rõ vai trò của tổ chức Công đoàn trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng quy định rõ hơn về vai trò của Chủ tịch Công đoàn trong việc tiếp thu, giải đáp thắc mắc, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức,

người lao động đối với các nội dung thuộc thẩm quyền, bàn các biện pháp cải tiến điều kiện làm việc, nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị, các biện pháp thực hiện kế hoạch công tác năm tới của cơ quan, đơn vị (điểm d khoản 4 Điều 51).

2. Về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến (Mục 2 Chương III, các điều 53, 54 và 55)

- Có ý kiến đề nghị bổ sung hình thức tham gia ý kiến tại cơ quan, đơn vị thông qua tổ chức Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã bổ sung hình thức tham gia ý kiến thông qua Công đoàn, các tổ chức đoàn thể khác tại cơ quan, đơn vị (khoản 5 Điều 54).

- Có ý kiến đề nghị bổ sung hình thức đối thoại mỗi năm một lần theo Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy, Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị quy định các hình thức góp ý định kỳ giữa Nhân dân với chính quyền, trong đó đối với cơ quan, đơn vị thì định kỳ góp ý thông qua việc tổ chức lấy ý kiến tại hội nghị công chức, viên chức. Nội dung này đã được thể chế hóa tại Điều 51 của dự thảo Luật. Do vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị cho giữ quy định của dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định trường hợp ý kiến tham gia của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động không được tiếp thu tại cơ quan, đơn vị thì phải chuyển ý kiến lên cấp trên để bảo đảm liên thông với các luật khác và không chỉ khép kín trong Luật này.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo như sau: về vấn đề này, dự thảo Luật đã quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc lắng nghe ý kiến phản ánh, phê bình của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; giải trình ý kiến với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật; đồng thời quy định người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước cấp trên, cơ quan chủ quản về kết quả thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị mình phụ trách. Ngoài ra, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động vẫn có quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo quy định của pháp luật hoặc sử dụng các cơ chế thích hợp khác để thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện giải trình, tiếp thu ý kiến của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định của Luật này. Do vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin phép không bổ sung nội dung mà đại biểu Quốc hội đã đề xuất nêu trên.

3. Về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động kiểm tra, giám sát (Mục 4 Chương III, các điều 56, 57, 58 và 59)

- Có ý kiến đề nghị không quy định hình thức kiểm tra thông qua khiếu nại, tố cáo, khởi kiện quyết định hành chính,... vì các nội dung này đã được quy định trong các văn bản pháp luật có liên quan; có ý kiến cho rằng hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân là hình thức giám sát mà không phải kiểm tra.

Tiếp thu các ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý Điều 56 của dự thảo Luật theo hướng bổ sung quy định cụ thể nội dung kiểm tra, giám sát, theo đó: (1) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà tập thể đã bàn và quyết định quy định tại Điều 49 của Luật này; (2) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của người đứng đầu, ban lãnh đạo, người có thẩm quyền của cơ quan, đơn vị. Đồng thời, quy định rõ các hình thức cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trực tiếp giám sát (khoản 1 Điều 57) và giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị (khoản 2 Điều 57).

- Có ý kiến cho rằng quy định về trình tự, thủ tục cán bộ, công chức, viên chức, người lao động kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, tố tụng hành chính là không phù hợp, vì pháp luật về các lĩnh vực này không quy định trình tự, thủ tục kiểm tra việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Tiếp thu các ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý Điều 58 của dự thảo Luật theo hướng không hành chính hóa về thủ tục. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động kiểm tra, giám sát chủ yếu thông qua các hoạt động thường nhật của bản thân. Qua đó, phát hiện các vấn đề có bất cập, hạn chế, có vi phạm để khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định chung và thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị, qua tổ chức Công đoàn hoặc các đoàn thể khác; Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị thay mặt cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định tại Tiểu mục 2 của Mục này.

V. VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ TẠI TỔ CHỨC SỬ DỤNG LAO ĐỘNG (CHƯƠNG IV)

1. Về công khai thông tin tại tổ chức sử dụng lao động (Mục 1 Chương IV)

1.1. Về những nội dung, hình thức, trách nhiệm công khai thông tin đến người lao động (các điều 64, 65 và 66)

- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể các loại thông tin phải công khai tương ứng với các loại hình doanh nghiệp như doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp nhà nước hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo như sau: mặc dù có sự khác biệt nhất định trong tổ chức và hoạt động giữa các loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần,...) theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nhưng trong mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động về thực hiện dân chủ ở cơ sở thì không có sự khác biệt giữa các loại hình doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp nhà nước, do đặc thù về công tác tổ chức cán bộ, về vốn sở hữu (nắm giữ nguồn lực công), nên ngoài những nội dung phải công khai đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp (khoản 1 Điều 64) thì doanh nghiệp nhà nước còn phải có trách nhiệm công khai thêm một số nội dung khác về thông tin tài chính, quản lý tài sản công, về công tác cán bộ theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp nhà nước và pháp luật khác có liên quan (khoản 2 Điều 64). Do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị cho giữ quy định của dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định về nội dung người sử dụng lao động phải công khai tình hình sản xuất kinh doanh vì có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp; đề nghị cân nhắc quy định phải công khai việc trích lập, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi...

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy, các quy định tại Điều 64 của dự thảo Luật cơ bản đã ghi nhận đầy đủ, kế thừa các quy định của pháp luật hiện hành, như Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp quy định việc công khai thông tin về hoạt động của doanh nghiệp (Điều 61); Bộ luật Lao động quy định việc công khai thang lương, bảng lương và định mức lao động (Điều 93); Luật Kế toán quy định việc công khai báo cáo tài chính của doanh nghiệp (Điều 32); Luật Đầu tư quy định ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề đó phải được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Điều 9)... Đồng thời, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và để bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý điểm a khoản 1 Điều 64 của dự thảo Luật theo hướng tổ chức có sử dụng lao động thực hiện công khai tình hình sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình hoạt động của tổ chức có sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

- Có ý kiến đề nghị không quy định việc doanh nghiệp nhà nước phải công khai báo cáo tài chính 06 tháng và báo cáo tài chính hằng năm (đã được kiểm toán), thang, bảng lương; công khai bản kê khai của người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước; công khai các thông tin về việc đầu tư mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại phục vụ công tác cho các chức danh lãnh đạo và phục vụ công tác chung của doanh nghiệp vì không phù hợp và không khả thi.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội là xác đáng, vì các thông tin phải công khai của doanh nghiệp nhà nước đã được quy định tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý khoản 2 Điều 64 của dự thảo Luật theo hướng quy định doanh nghiệp nhà nước chỉ phải công khai các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này và

các nội dung khác về thông tin tài chính, quản lý tài sản công, về công tác cán bộ theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

- Có ý kiến cho rằng hình thức niêm yết thông tin tại trụ sở sẽ rất khó để người lao động được tiếp cận, vì người lao động thường trực tiếp lao động, sản xuất tại nhà máy, xí nghiệp, công xưởng, không thường xuyên làm việc tại trụ sở doanh nghiệp; có ý kiến đề nghị cần mở rộng thêm các hình thức công khai thông tin để tạo điều kiện cho người lao động được thuận lợi trong việc tiếp cận thông tin.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý khoản 1 Điều 65 của dự thảo Luật theo hướng bổ sung hình thức niêm yết thông tin; thông báo tại hội nghị người lao động, hội nghị đối thoại giữa người sử dụng lao động và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở; tại các cuộc họp, giao ban của tổ chức, các bộ phận của tổ chức; thông báo bằng văn bản đến toàn thể người lao động; thông qua người phụ trách các đơn vị, bộ phận của tổ chức để thông báo đến người lao động; thông báo bằng văn bản đến tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở để thông báo đến người lao động; qua hệ thống thông tin nội bộ hoặc đăng trên công, trang thông tin của tổ chức có sử dụng lao động; thông qua tin nhắn hoặc mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật và được sự thống nhất của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở; các hình thức chuyển tải thông tin khác không vi phạm quy định của pháp luật và được quy định trong quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan, đơn vị. Đồng thời, bổ sung quy định người đại diện có thẩm quyền của tổ chức có sử dụng lao động có trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo yêu cầu của người lao động đối với những thông tin trong thời hạn công khai mà chưa được công khai, thông tin đã hết thời hạn công khai hoặc thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng mà người yêu cầu không thể tiếp cận được (khoản 4 Điều 66).

1.2. Về tổ chức hội nghị người lao động (Điều 69)

- Có ý kiến đề nghị quy định thời gian cụ thể tổ chức hội nghị người lao động trong năm để thuận lợi trong quá trình giám sát thực hiện; có ý kiến đề nghị quy định hội nghị người lao động tổ chức ít nhất một năm một lần nhưng không chậm hơn thời hạn 30 tháng 4 hằng năm hoặc ít nhất trước tháng 12 hằng năm để tránh tình trạng doanh nghiệp lợi dụng, kéo dài tổ chức hội nghị người lao động.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý khoản 1 Điều 69 của dự thảo Luật theo hướng quy định hội nghị người lao động được tổ chức định kỳ mỗi năm một lần sau khi kết thúc năm tài chính của tổ chức nhưng không chậm hơn 03 tháng của năm tiếp theo do người đại diện có thẩm quyền của tổ chức quyết định sau khi lấy ý kiến của tổ chức đại diện người lao động ở cơ sở; hội nghị người lao động được tổ chức bất thường khi có đề xuất của

các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật này.

- Có ý kiến đề nghị tại điểm a khoản 2 Điều 69 của dự thảo Luật cần có quy định cụ thể hơn về việc tổ chức hội nghị đại biểu cho phù hợp với thực tế quy mô tổ chức của các doanh nghiệp hiện nay.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng quy định linh hoạt hơn về thành phần dự hội nghị, theo đó, đối với tổ chức có sử dụng từ 100 người lao động trở lên hoặc có dưới 100 người lao động nhưng làm việc phân tán trên địa bàn rộng hay vì lý do nghiệp vụ không thể bỏ vị trí làm việc, thì người đại diện có thẩm quyền của tổ chức thống nhất với ban đại diện của tổ chức đại diện người lao động ở cơ sở quyết định thành phần tham dự hội nghị là toàn thể người lao động hoặc đại biểu người lao động cho phù hợp với đặc điểm tình hình của tổ chức (điểm b khoản 2 Điều 69); đồng thời, bổ sung quy định tổ chức có dưới 10 người lao động thì không phải tổ chức hội nghị người lao động (điểm d khoản 2 Điều 69).

2. Về người lao động kiểm tra, giám sát (Mục 4 Chương IV)

Có ý kiến cho rằng, thực tế người lao động không thể tự mình thực hiện việc kiểm tra mà phải thông qua các tổ chức đại diện của người lao động hoặc các tổ chức như công đoàn, phụ nữ, thanh niên chứ không phải kiểm tra thông qua hình thức khiếu nại, tố cáo; đề nghị cần nghiên cứu kỹ để xác định đúng hình thức kiểm tra của người lao động cho phù hợp.

Tiếp thu các ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng người lao động trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động lao động, sản xuất, sinh hoạt ở tổ chức có sử dụng lao động; quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với người có chức vụ, quyền hạn, người lao động khác; tiếp cận các thông tin được công khai, thông tin, báo cáo của tổ chức có sử dụng lao động; tham dự hội nghị người lao động, hội nghị đối thoại tại nơi làm việc (khoản 1 Điều 76) hoặc thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở tổ chức có sử dụng lao động (khoản 2 Điều 76). Khi phát hiện hành vi, nội dung có dấu hiệu vi phạm, người lao động có thể khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật hoặc kiến nghị, phản ánh đến người đứng đầu, ban lãnh đạo, điều hành của tổ chức có sử dụng lao động; kiến nghị, phản ánh đến cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, Công đoàn, tổ chức đại diện người lao động, tổ chức đoàn thể mà mình là thành viên, hội viên; phản ánh, yêu cầu Ban Thanh tra nhân dân xem xét, thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ; Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị thay mặt người lao động thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định tại Tiểu mục 2 của Mục này (khoản 2 Điều 77).

VI. VỀ THANH TRA NHÂN DÂN (CHƯƠNG V CỦA DỰ THẢO LUẬT TRÌNH QUỐC HỘI CHO Ý KIẾN)

1. Về việc quy định về Thanh tra nhân dân trong dự thảo Luật

- Một số ý kiến nhất trí với việc chuyển quy định về Thanh tra nhân dân từ Luật Thanh tra hiện hành sang quy định trong dự thảo Luật này; có ý kiến cho rằng dự thảo Luật chỉ quy định việc thành lập Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, như vậy những loại hình ngoài Nhà nước không thành lập Ban Thanh tra nhân dân thì việc bảo đảm thực hiện dân chủ cơ sở sẽ thực hiện như thế nào; có ý kiến cho rằng một số thiết chế tương tự như Tổ tự quản, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng đã thực hiện tốt nhiệm vụ tự quản của cộng đồng dân cư, việc quy định thêm Ban Thanh tra nhân dân sẽ phát sinh thêm tổ chức bộ máy, chế độ, chính sách.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy, Thanh tra nhân dân là thiết chế tự quản của Nhân dân ở cơ sở, thực hiện quyền kiểm tra, giám sát của Nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước. Do đó, việc chuyển nội dung quy định về Ban Thanh tra nhân dân từ Luật Thanh tra sang Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở là phù hợp và nhận được sự nhất trí cao của các đại biểu Quốc hội. Trên thực tế, thiết chế này đã và đang phát huy hiệu lực, hiệu quả trong việc thực hiện dân chủ ở một số loại hình cơ sở. Hơn nữa, việc chỉ quy định thành lập Ban Thanh tra nhân dân ở một số loại hình cơ sở vô hình trung tạo ra sự phân biệt với người lao động ở các tổ chức có sử dụng lao động khu vực ngoài công lập; khiến cho người lao động tại khu vực này thiếu cơ chế để thực hiện quyền kiểm tra, giám sát của mình ở cơ sở. Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng quy định Ban Thanh tra nhân dân ở tất cả các loại hình xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức có sử dụng lao động nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện dân chủ ở cơ sở; đồng thời đã thiết kế các điều khoản cụ thể về Ban Thanh tra nhân dân ở các loại hình tương ứng tại các chương II, III và IV của dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị cần nhắc tên gọi Ban Thanh tra nhân dân vì dễ hiểu đây là hoạt động của Thanh tra nhà nước; có ý kiến đề nghị ở xã, phường, thị trấn thì gọi là Thanh tra của Nhân dân, ở cơ quan thì gọi là Thanh tra của cán bộ, công chức, người lao động; ở doanh nghiệp thì gọi là Thanh tra của người lao động.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy, tên gọi “Ban Thanh tra Nhân dân” đã được sử dụng ổn định từ năm 1990 (tại Pháp lệnh Thanh tra) và tiếp tục được quy định trong Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản pháp luật có liên quan; tên gọi này cũng trở nên quen thuộc với người dân và các cơ quan, tổ chức có liên quan, quá trình thực hiện chưa phát sinh vướng mắc, bất cập hoặc nhầm lẫn về tên gọi với chế định Thanh tra Nhà nước. Vì vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị tiếp tục cho giữ tên gọi “Ban Thanh tra nhân dân” trong dự thảo Luật.

2. Về tổ chức của Ban Thanh tra nhân dân (các điều 36, 60 và 79)

Có ý kiến đề nghị bổ sung các quy định về cơ cấu, tổ chức của Ban Thanh tra nhân dân; có ý kiến đề nghị điều chỉnh nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân thống nhất với nhiệm kỳ của HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc (ở cấp xã) hoặc nhiệm kỳ của Công đoàn cơ sở (ở cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động) hoặc quy định nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã phù hợp với nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; có ý kiến đề nghị bổ sung tiêu chuẩn thành viên Ban Thanh tra nhân dân.

Nghiên cứu ý kiến đại biểu Quốc hội và tham khảo ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và thực tiễn cơ sở, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị quy định rõ trong dự thảo Luật về cơ cấu, tổ chức của Ban Thanh tra nhân dân tương ứng với từng loại hình, cụ thể: (1) Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn gồm các thành viên được bầu từ các thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã. Số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân tương ứng số lượng thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã nhưng không ít hơn 05 người; nhiệm kỳ là 2,5 năm hoặc 05 năm theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên cùng địa bàn (Điều 36); (2) đối với Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị, Ban Thanh tra nhân dân ở tổ chức có sử dụng lao động do hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc hội nghị người lao động bầu, có từ 03 đến 09 thành viên là người đang công tác hoặc lao động trong cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động; nhiệm kỳ giữ nguyên là 02 năm như hiện nay để phù hợp với điều kiện, đặc điểm công tác, làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các loại hình cơ sở này và thuận lợi cho việc tổ chức bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân (Điều 60 và Điều 79 của dự thảo Luật).

Bên cạnh đó, dự thảo Luật cũng đã bổ sung các điều quy định về tiêu chuẩn thành viên Ban Thanh tra nhân dân tương ứng với các loại hình, cụ thể như sau: (1) đối với tiêu chuẩn thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn là người có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ; có hiểu biết về chính sách, pháp luật và tự nguyện tham gia Ban Thanh tra nhân dân; là công dân thường trú trên địa bàn và không đồng thời là cán bộ, công chức cấp xã (Điều 36); (2) đối với tiêu chuẩn thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị là người đang công tác trong cơ quan, đơn vị, có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong cơ quan, đơn vị, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ; có hiểu biết về chính sách, pháp luật và tự nguyện tham gia Ban Thanh tra nhân dân; không đồng thời là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị (Điều 60); (3) đối với tiêu chuẩn thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở tổ chức có sử dụng lao động là người đang làm việc trong tổ chức có sử dụng lao động, có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong tổ chức, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ; có hiểu biết về chính sách, pháp luật và tự nguyện tham gia Ban Thanh tra nhân dân; không đồng thời là người đại diện có thẩm quyền, ban lãnh đạo, điều hành của tổ chức có sử dụng lao động (Điều 79).

3. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân (các điều 38, 61 và 80)

Có ý kiến cho rằng quy định Chủ tịch UBND cấp xã, người đứng đầu cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước giao Ban thanh tra nhân dân xác minh những vụ việc nhất định là không phù hợp, không đảm bảo tính chủ động, độc lập; có ý kiến đề nghị quy định cụ thể hơn các nội dung liên quan hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân; có ý kiến đề nghị bổ sung quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân được đề nghị, kiến nghị với cơ quan, đơn vị, tổ chức cung cấp các thông tin cần thiết để đảm bảo cho công tác kiểm tra, giám sát.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng không quy định Chủ tịch UBND cấp xã giao Ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn xác minh những vụ việc nhất định nhằm đảm bảo tính chủ động, độc lập, khách quan của Ban Thanh tra nhân dân bởi Chủ tịch UBND cũng là đối tượng của hoạt động giám sát của Ban Thanh tra nhân dân; bổ sung tại khoản 2 Điều 38 của dự thảo Luật quy định Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn có quyền yêu cầu chính quyền, cán bộ, công chức cấp xã cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan để phục vụ việc xác minh, kiểm tra, giám sát (điểm b); kiến nghị Chủ tịch UBND cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố khắc phục sơ hở, thiếu sót được phát hiện qua việc kiểm tra, giám sát (điểm d); được tham dự các cuộc họp của HĐND, UBND cấp xã có nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân (điểm đ); đồng thời, bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn tương tự cho Ban Thanh tra nhân dân ở các loại hình khác (Điều 61 và Điều 80).

4. Về trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân (các điều 40, 63 và 82)

Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở trong chỉ đạo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm bảo đảm điều kiện, kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và chế độ cho thành viên của Ban Thanh tra nhân dân.

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng đối với Ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn thì Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn việc tổ chức hội nghị đại diện hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố để bầu hoặc cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân; công nhận kết quả bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân; tổ chức cuộc họp của Ban Thanh tra nhân dân để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; thông báo kết quả bầu và thành phần Ban Thanh tra nhân dân cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp và Nhân dân ở địa phương; hướng dẫn Ban Thanh tra nhân dân xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung công tác; định kỳ xem xét báo cáo

hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; tham gia hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân khi xét thấy cần thiết; xác nhận biên bản, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân; đôn đốc việc giải quyết kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân; động viên Nhân dân ở địa phương ủng hộ, phối hợp, tích cực hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Thanh tra nhân dân. Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán, kế hoạch hằng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, do ngân sách nhà nước cấp xã bảo đảm (khoản 2 Điều 40) thay vì được dự toán và cấp trực tiếp từ ngân sách của UBND cấp xã như hiện nay để thể hiện vai trò của Mặt trận Tổ quốc và thống nhất với cơ chế hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Đối với Ban thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động thì Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị, tổ chức này có trách nhiệm giới thiệu nhân sự đề hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bầu làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân; đề nghị cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân; hướng dẫn Ban Thanh tra nhân dân xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung công tác; định kỳ xem xét báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; tham gia hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân khi xét thấy cần thiết; xem xét, giải quyết kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân gửi đến người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc cấp có thẩm quyền; vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở cơ quan, đơn vị phối hợp và tích cực hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Thanh tra nhân dân (khoản 2 Điều 63 và khoản 2 Điều 82).

Bên cạnh đó, để bảo đảm điều kiện, kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, tại khoản 4 Điều 83 của dự thảo Luật cũng đã giao Bộ Tài chính hướng dẫn về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí về thực hiện dân chủ ở cơ sở và kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

VII. VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ (CHƯƠNG V)

1. Về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị; trách nhiệm của người sử dụng lao động trong thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp (Điều 66 và Điều 67 của dự thảo Luật trình Quốc hội cho ý kiến)

- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng đưa các nội dung quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các điều này về các điều khoản tương ứng với các loại hình cơ sở.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý theo hướng chuyên nội dung tại Điều 66 và Điều 67 của dự thảo Luật trình Quốc hội cho ý kiến về các chương tương ứng (Chương III, Chương IV) và thiết kế cụ thể như sau: (1) trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức cung cấp thông tin theo yêu cầu; tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; bảo đảm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến, thực hiện kiểm tra, giám sát; bảo đảm cho hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân... được thể hiện cụ thể tại khoản 4 Điều 48, điểm d khoản 4 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 52, khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 59, khoản 1 Điều 63 của dự thảo Luật; (2) trách nhiệm của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức có sử dụng lao động trong việc tổ chức cung cấp thông tin theo yêu cầu được thể hiện cụ thể tại khoản 4 Điều 66 của dự thảo Luật...

- Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm một số nội dung quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động trong việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng bổ sung một số quy định về trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tổ chức cung cấp theo yêu cầu đối với những thông tin trong thời hạn công khai mà chưa được công khai, thông tin đã hết thời hạn công khai hoặc thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng mà người yêu cầu không thể tiếp cận được (khoản 4 Điều 48, khoản 4 Điều 66); tiếp thu, giải đáp thắc mắc, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đối với các nội dung thuộc thẩm quyền, bàn các biện pháp cải tiến điều kiện làm việc, nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị, các biện pháp thực hiện kế hoạch công tác năm tới của cơ quan, đơn vị (điểm d khoản 4 Điều 51)...

- Có ý kiến cho rằng, quy định kết quả thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị là căn cứ để đánh giá và xếp loại đảng viên đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong văn bản luật là không phù hợp vì đảng viên cần thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng, do đó đề nghị bỏ quy định này.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy, Luật có quy định về vai trò gương mẫu của đảng viên trong thực hiện dân chủ ở cơ sở và vận động quần chúng, Nhân dân cùng thực hiện. Song việc đánh giá xếp loại đảng viên sẽ thực hiện theo các văn bản, quy định của Đảng. Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng thay từ “đảng viên” thành “cán bộ, công chức, viên chức” tại các điều khoản cụ thể; đồng thời, không quy định căn cứ để đánh giá và xếp loại đảng viên đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong dự thảo Luật.

Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiếp thu các ý kiến đại biểu Quốc hội và đã chỉnh lý khoản 3 Điều 59 của dự thảo Luật theo hướng quy định cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu trách nhiệm về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình; chủ động, tích cực phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc xác minh, kiểm tra, giám sát đối với các nội dung mà mình đã kiến nghị, đề nghị.

2. Về trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Điều 87)

Có ý kiến đề nghị ngoài quy định về trách nhiệm thì cần bổ sung vai trò, quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thực hiện dân chủ tại cơ sở, như quyền được đề nghị giải quyết những đề xuất, kiến nghị bức xúc của Nhân dân phát sinh trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở; việc bảo đảm để Nhân dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát đối với chính quyền địa phương cấp xã; việc bảo đảm để Nhân dân thực hiện đối thoại với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền...

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng làm rõ hơn vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong từng việc, từng bước, từng khâu thực hiện dân chủ một cách thống nhất, xuyên suốt. Theo đó, dự thảo Luật đã bổ sung quy định Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Luật này (khoản 5 Điều 87); đồng thời, bổ sung tại một số điều khoản cụ thể của dự thảo Luật như: Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố thống nhất với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn hình thức văn bản của cộng đồng dân cư phù hợp với nội dung quyết định và phong tục, tập quán, điều kiện thực tiễn của cộng đồng dân cư trong trường hợp pháp luật không quy định cụ thể về hình thức văn bản (khoản 1 Điều 20); Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện các nội dung Nhân dân bàn và quyết định (khoản 3 Điều 23); phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức cuộc họp đối thoại, lấy ý kiến của Nhân dân (khoản 2 Điều 27); chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân (Điều 39) và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng (Điều 44),...

3. Về sửa đổi, bổ sung Điều 63 của Bộ luật Lao động (Điều 90)

Một số ý kiến đề nghị cần rà soát các quy định của pháp luật có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã tổ chức rà soát, chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng bổ sung một điều (Điều 90) quy định về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 63 của Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14, cụ thể như sau: “4. Chính phủ quy định việc tổ chức đối thoại tại nơi làm việc.”.

Bên cạnh đó, để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật do trước đây việc quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở được thể hiện trong nhiều văn bản khác nhau từ luật, pháp lệnh, Nghị định, thông tư và các văn bản quy định chi tiết,

hướng dẫn khác có liên quan, nên sau khi Luật này được thông qua (và đã có sự đổi quy định tương ứng trong Bộ luật Lao động), Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Chính phủ, các Bộ, ngành, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan cần khẩn trương rà soát, tuyên bố hết hiệu lực đối với các văn bản hoặc bộ phận văn bản do mình đã ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật này (như bãi bỏ Mục 2 Chương V của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở nơi làm việc...).

4. Về hiệu lực thi hành (Điều 91)

- Có ý kiến đề nghị làm rõ việc tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân được thực hiện như thế nào khi Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở có hiệu lực và Luật Thanh tra (sửa đổi) vẫn còn hiệu lực hoặc Luật Thanh tra (sửa đổi) có hiệu lực nhưng Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở vẫn chưa có hiệu lực thi hành.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo các cơ quan rà soát, chỉnh lý để bảo đảm thống nhất về thời điểm có hiệu lực của các quy định về Ban Thanh tra nhân dân trong dự thảo Luật này với quy định của dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi) để tránh mâu thuẫn hoặc tạo khoảng trống pháp lý sau khi ban hành.

- Có ý kiến đề nghị làm rõ khi Luật này được thông qua và Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ hết hiệu lực thì việc thực hiện dân chủ ở bên ngoài cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện như thế nào.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy, sau khi Luật này được thông qua và Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ hết hiệu lực thì việc thực hiện về dân chủ ở bên ngoài cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện theo quy định của các luật có liên quan, như Luật Cán bộ, công chức, Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành như nghị định về kiểm soát thủ tục hành chính,...

5. Về áp dụng pháp luật và quy định chuyển tiếp (Điều 92)

Có ý kiến đề nghị cân nhắc việc giao cơ quan có thẩm quyền quy định riêng về việc thực hiện dân chủ cơ sở trong nội bộ các cơ quan.

Về vấn đề này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo như sau: căn cứ đặc thù trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và trong nội bộ cơ quan, đơn vị của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở (khoản 1 Điều 84); Ủy ban Thường vụ Quốc hội, căn cứ vào quy định của

Luật này, quy định việc thực hiện dân chủ trong nội bộ các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Hội đồng nhân dân các cấp phù hợp với tính chất đặc thù trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị (khoản 1 Điều 84); đồng thời, quy định cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, trên cơ sở các nguyên tắc được quy định tại Luật này, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ của tổ chức mình, quy định việc thực hiện dân chủ trong nội bộ cơ quan, đơn vị của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (khoản 2 Điều 92).

Ngoài những nội dung nêu trên, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã rà soát, bổ sung, chỉnh lý các điều, khoản, cụ thể của dự thảo Luật; đồng thời rà soát, chỉnh lý về nội dung và kỹ thuật lập pháp để hoàn thiện dự thảo Luật trình Quốc hội.

*

* *

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin kính trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến./.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Chính phủ;
 - TTUBPL;
 - Lưu: HC, PL.
- e-Pas:

Nguyễn Khắc Định